TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu
Ông Nguyễn Văn Bắc

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thu Hiền -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Điệp Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2026/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 2003; CCCD:026303004192; Nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

-Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh năm 1993; CCCD: 026094006848; Nơi cư trú: thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Đặng Thị L vắng mặt tại phiên tòa chị có đơn xin xét xử vắng mặt, chị trình bày:

Chị kết hôn với anh Đàm Văn T ngày 25/6/202 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Tổ chức xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã nhau. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đàm Thị Bảo Y, sinh ngày 22/9/2023, hiện đang ở cùng anh T. Ly hôn chị để anh T nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuyến 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Y 18 tuổi. Hiện chị làm công ty thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị L ngày 25/6/202 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ. Tổ chức xong chị L về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 01/2025 phát sinh mâu thuẫn do chị L ngoại tình bên ngoài bị anh bắt được, chị L bỏ đi từ đó đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đàm Thị Bảo Y, sinh ngày 22/9/2023, hiện đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Y 18 tuổi. Hiện ạm làm công nhân thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã H: Chị Đặng Thị Lkết hôn với anh Đàm Văn T ngày 25/6/2021 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L,tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đàm Thị Bảo Y , sinh ngày 22/9/2023. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Nay chị L xin ly hôn anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L . Xử cho chị Đặng Thị L và anh Đàm Văn T được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho anh Đàm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Bảo Y , sinh ngày 22/9/2023, hiện đang ở cùng anh T, chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tuyến 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, chị L có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đàm Văn T , bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H , tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị L , anh Đàm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị L và anh Đàm Văn T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Theo chị Li nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T. Anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị L ngoại tình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị Lxin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đàm Thị Bảo Y, sinh ngày 22/9/2023, hiện đang ở cùng anh T. Ly hôn anh T xin nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Y 18 tuổi, chị L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, việc xin nuôi con của các bên thấy rằng từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Y ở cùng anh Tuyến, để tránh sáo trộn nên giao cho anh T nuôi cháu Yến, việc anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh 3.000.000đ/tháng, chị L đồng ý là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5]Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị L, anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Đặng Thị L và anh Đàm Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Đàm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Bảo Y , sinh ngày 22/9/2023 hiện đang ở cùng anh T , chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, chị có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị L tự nguyện chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005531 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị L phải nộp tiếp 150.000đ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-Phú Thọ;
- Cơ quan THA tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã Hợp Lý;
- Lưu.